UNBD ĐẶC KHU CÁT HẢI
TRƯỜNG TH&THCS VĂN PHONG

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN LỚP 6
Thời gian làm bài: 90 phút

Phụ lục 1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	1	1								1		1	2	1		15%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	1										1		1	1	0	7,5%
	Phân tích và biểu diễn dữ liệu	Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có	1	1						1		1			2	2	1	15%
	Một số yếu tố xác suất	Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều	1			1	1											10%

		lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản																
		Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản	1				1	1			1							10%
2	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	1	1								1		1	2	1	1	15%
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	1	1		1	1				1				2	2	1	15%
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	1				1	1			1				1	1	2	12,5%
Tổng số câu			**8**	**4**		**2**	**4**	**2**	**0**	**2**	**2**	**3**	**1**	**2**	**10**	**8**	**5**	
Tổng số điểm			**3,0**			**2,0**			**2,0**			**3,0**			**4,0**	**3,0**	**3,0**	**10**
Tỉ lệ %			**30%**			**20%**			**20%**			**30%**			**100%**			**100%**

Phụ lục 2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	**Biết:** Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	C1									B1		
			Hiểu: Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.		C2										
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	**Biết:** Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	C3										B1	
			Hiểu: – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).												
	Phân tích và biểu diễn dữ liệu	Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số	**Biết:** – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví	C4	C5						C15		B1		

		liệu và biểu đồ thống kê đã có	dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). **Hiểu:** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). **Vận dụng:** – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).												1
	Một số yếu tố xác suất	Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản	**Biết:** Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...). **Hiểu:** Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.	C6			C13a	C13b,c							
		Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng	**Vận dụng:** Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng	C7					C13d			C16			

		xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản	xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.												
2	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	**Biết:** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương. Hiểu – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. – So sánh được hai phân số cho trước.	C8	C9								B2		B2
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng	**Biết** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.	C10	C11		C14a	C14b							

			– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.													
			Vận dụng: Khái niệm ba điểm thẳng hàng để tính số đường thẳng phân biệt tạo thành từ *n* điểm cho trước.									C18				
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	**Biết:** Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. **Hiểu:** So sánh được độ dài đoạn thẳng. **Vận dụng:** Tính được độ dài đoạn thẳng.	C12				C14c	C14d			C17				
Tổng số câu				**8**	**4**		**2**	**4**	**2**	**0**	**2**	**2**	**3**	**1**	**2**	
Tổng số điểm				**3,0**			**2,0**			**2,0**			**3,0**			
Tỉ lệ %				**30%**			**20%**			**20%**			**30%**			

BAN XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN	TỔ TRƯỞNG	BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT
Trần Thị Tú Anh	Đoàn Thị Huế	HIỆU TRƯỞNG Nguyễn Thị Quy

UBND ĐẶC KHU CÁT HẢI
TRƯỜNG TH&THCS VĂN PHONG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: TOÁN LỚP 6
Thời gian làm bài: 90 phút.

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn *(3,0 điểm).* Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.
Sử dụng dữ kiện sau để trả lời câu hỏi 1, 2.

Bảng thống kê sau ghi lại các hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ của học sinh khối 6.

Hoạt động	Chơi thể thao	Đọc truyện	Xem tivi	Nghe nhạc	Vẽ tranh
Số học sinh	20	25	30	15	10

Câu 1. Đối tượng thống kê là:

A. Số học sinh.

B. Các hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ của học sinh khối 6.

C. 10.

D. 30

Câu 2. Số học sinh tham gia khảo sát là:

A. 50. B. 100. C. 75. D. 60

Sử dụng dữ kiện sau để trả lời câu hỏi 3, 4, 5.

Một hệ thống siêu thị thống kê số thịt lợn bán được trong bốn tháng đầu năm 2025 như sau:

Tháng 1	
Tháng 2	
Tháng 3	
Tháng 4	
: 10 tấn	

Câu 3. Tháng nào hệ thống siêu thị bán được nhiều thịt lợn nhất?

A. Tháng 1. B. Tháng 2. C. Tháng 3. D. Tháng 4.

Câu 4. Trong bốn tháng đầu năm 2025, trung bình mỗi tháng siêu thị bán được bao nhiêu tấn thịt lợn?

A. 10 tấn. B. 20 tấn. C. 30 tấn. D. 40 tấn.

Câu 5. Tỉ số lượng thịt bán ra trong tháng 1 và tổng lượng thịt bán ra trong cả bốn tháng là:

A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{1}{4}$. C. 4. D. 7.

Câu 6. Số kết quả có thể xảy ra khi tung một đồng xu đồng chất là:

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7. Gieo một xúc xắc 8 lần, có 2 lần xuất hiện mặt 4 chấm. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 4 chấm là:

A. $\frac{1}{2}$. B. $\frac{1}{4}$. C. $\frac{1}{8}$. D. $\frac{3}{8}$.

Câu 8. Trong các cách viết sau, cách viết không phải là phân số là:

A. $\frac{2}{0}$. B. $\frac{1}{-3}$. C. $\frac{0}{5}$. D. $\frac{3}{1}$.

Câu 9. Số nguyên x thỏa mãn $\frac{35}{15}=\frac{x}{3}$ là:

A. $x=5$. B. $x=6$. C. $x=7$. D. $x=8$.

Câu 10. Điểm A *không thuộc* đường thẳng d được kí hiệu là:

A. $d \in A$. B. $A \in d$. C. $A \notin d$. D. $A \subset d$.

Câu 11. Cho hình vẽ sau, khẳng định đúng là:

A. Ax và By là hai tia đối nhau. B. Ay và By là hai tia trùng nhau.

C. AB và BA là hai tia đối nhau. D. AB và Ay là hai tia trùng nhau.

Câu 12. Cho điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết MB = 3cm, độ dài đoạn thẳng AB là:

A. 5cm. B. 11cm. C. 4cm. D. 6cm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai *(2,0 điểm).* Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Một hộp kín có chứa 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng, 1 quả bóng tím. Mỗi lần bạn An lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng, ghi lại màu của quả bóng được lấy ra rồi bỏ lại quả bóng vào hộp. Kết quả được ghi lại trong bảng sau:

Xanh	Đỏ	Vàng	Tím
10	15	12	13

a) Các kết quả có thể xảy ra đối với màu của quả bóng được lấy ra là: Xanh, đỏ, vàng, tím.

b) Xác suất thực nghiệm lấy được quả bóng màu xanh là: 10.

c) Xác suất thực nghiệm lấy được quả bóng màu đỏ là: $\frac{3}{10}$.

d) Nếu xác suất thực nghiệm lấy được quả bóng màu tím là $\frac{1}{5}$ thì quả bóng tím phải được lấy ra 10 lần.

Câu 14. Cho hình vẽ bên, biết AC = 2cm, AB = 2,5cm, BF = 3,5cm.

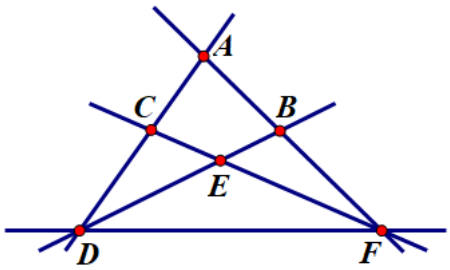

a) Hình vẽ trên có 4 bộ ba điểm thẳng hàng.

b) Điểm E nằm giữa hai điểm D và F.

c) AB < AC.

d) Độ dài đoạn thẳng AF là 6cm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn *(2,0 điểm)*. Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Quan sát biểu đồ và cho biết sản lượng lương thực của Liên Bang Nga năm 2001 tăng bao nhiêu triệu tấn so với năm 2000?

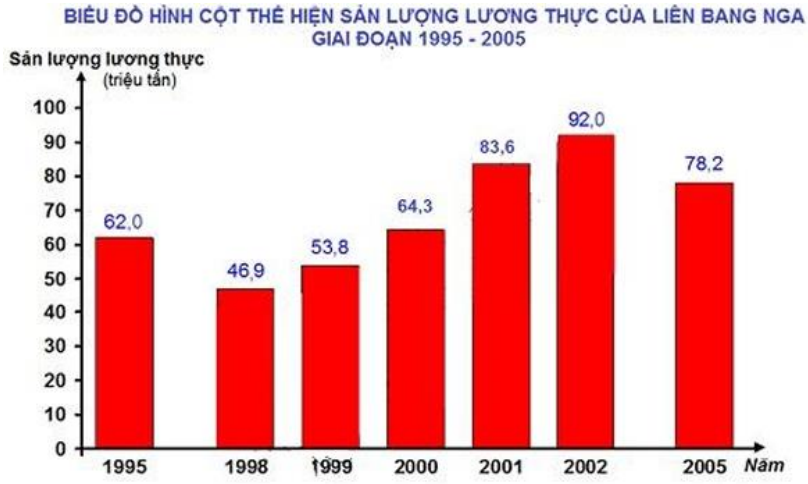

Câu 16. Gieo một con xúc xắc 100 lần được kết quả như sau:

Mặt	Mặt 1 chấm	Mặt 2 chấm	Mặt 3 chấm	Mặt 4 chấm	Mặt 5 chấm	Mặt 6 chấm
Số lần xuất hiện	14	20	15	15	17	19

Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố *(kết quả viết dưới dạng số thập phân)*.

Câu 17. Trên tia Ax lấy điểm B sao cho đoạn thẳng AB dài 5cm, lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và B sao cho BC = 3cm. Tính độ dài đoạn thẳng AC.

Câu 18. Cho 7 điểm phân biệt, trong đó có một bộ ba điểm thẳng hàng. Tính tổng số đường thẳng có thể vẽ được.

PHẦN IV. Tự luận *(3,0 điểm)*

Bài 1 ***(2,0 điểm).*** Biểu đồ cột kép dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Khoa học tự nhiên (KHTN) của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.

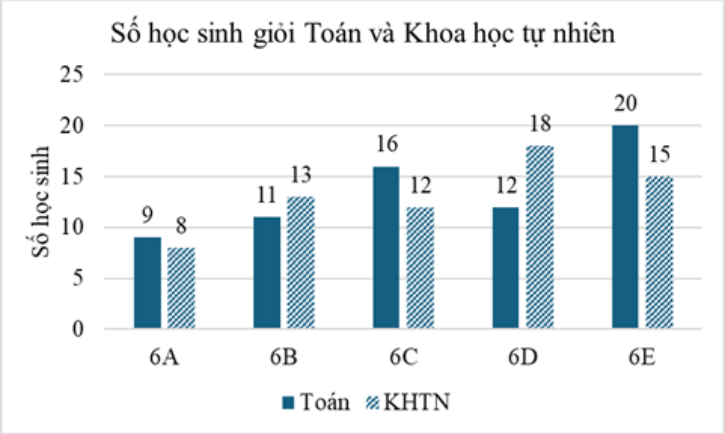

Dựa vào biểu đồ trên, em hãy cho biết:

a) Đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê.

b) Số học sinh giỏi Toán ở lớp nào nhiều nhất? Ít nhất?

c) Tính tổng số học sinh giỏi Toán ở 5 lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.

d) Tính tỉ số giữa số học sinh giỏi KHTN của lớp 6C và số học sinh giỏi KHTN của lớp 6E.

Bài 2 ***(1,0 điểm)***

a) Viết các phân số sau: mười hai phần bẩy, âm năm phần tám.

b) Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần: $\frac{1}{2};\frac{-3}{4};\frac{0}{5};\frac{5}{6}$.

----------HẾT----------

UBND ĐẶC KHU CÁT HẢI
TRƯỜNG TH&THCS VĂN PHONG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: TOÁN LỚP 6
Thời gian làm bài: 90 phút.

PHẦN I

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	B	B	D	C	B	B	B	A	C	C	D	D

PHẦN II

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 13.	**Câu 14.**
a) Đ	a) Đ
b) S	b) S
c) Đ	c) S
d) Đ	d) Đ

PHẦN III

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm)

Câu	15	16	17	18
Chọn	19,3	0,52	2	19

PHẦN III. Tự luận (3,0 điểm)

Bài 1 (2,0 điểm). Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

a) Đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê

- Đối tượng thống kê: Các lớp học bao gồm: 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.
- Tiêu chí thống kê: Số lượng học sinh giỏi môn Toán và số lượng học sinh giỏi môn Khoa học tự nhiên (KHTN) của từng lớp.

b) Số học sinh giỏi Toán ở lớp 6E nhiều nhất. Số học sinh giỏi Toán ở lớp 6A ít nhất.

c) Tổng số học sinh giỏi Toán ở cả 5 lớp là: 9 + 11 + 16 + 12 + 20 = 68 (học sinh)

d) Tỉ số giữa số học sinh giỏi KHTN của lớp 6C và lớp 6E

- Số học sinh giỏi KHTN lớp 6C là: 12 học sinh.
- Số học sinh giỏi KHTN lớp 6E là: 15 học sinh.
- Tỉ số giữa số học sinh giỏi KHTN của lớp 6C và lớp 6E là: $\frac{12}{15}=\frac{4}{5}$.

Bài 2 ***(1,0 điểm)***

a) Viết các phân số sau: mười hai phần bẩy, âm năm phần tám.

$\frac{12}{7};\frac{-5}{8}$.

b) Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần: $\frac{1}{2};\frac{-3}{4};\frac{0}{5};\frac{5}{6}$.

Ta có: $\frac{-3}{4}<\frac{0}{5}$

So sánh phân số $\frac{1}{2};\frac{5}{6}$.

Ta có: $\frac{1}{2}=\frac{3}{6}$. Do $\frac{3}{6}<\frac{5}{6}$ nên $\frac{1}{2}<\frac{5}{6}$.

Sắp xếp theo thứ tự tăng dần là: $\frac{-3}{4};\frac{0}{5};\frac{1}{2};\frac{5}{6}$.

Hết

BAN THẨM ĐỊNH ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN	TỔ TRƯỞNG	BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT
Trần Thị Tú Anh	Đoàn Thị Huế	HIỆU TRƯỞNG Nguyễn Thị Quy